TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 80/2026/HS-PT Ngày: 18 – 5 – 2026.	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Bình

Các Thẩm phán: Ông Phan Lê Vũ Huy Hoàng

Ông Bùi Thanh Quốc

- Thư ký phiên tòa*:* Bà Nguyễn Thị Quyền Trang – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa: Bà Lâm Dạ Hằng – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 5 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 81/2026/TLPT-HS ngày 17 tháng 4 năm 2026 đối với bị cáo Nguyễn Minh K do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 47/2026/HS-ST ngày 03 tháng 3 năm 2026 của Tòa án nhân dân khu vực 1 – Cần Thơ.

- Bị cáo có kháng cáo:

Nguyễn Minh K, sinh ngày 08/6/1996, tại Đồng Tháp; nơi thường trú: Số A, ấp H, xã L, huyện L (nay là xã T), tỉnh đồng Tháp; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa (học vấn): 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn Út H, sinh năm: 1972 (Sống) và bà Trần Thị T, sinh năm: 1967 (Sống). Bị cáo chưa có vợ, con; tiền sự: Không; tiền án: 01 lần: Ngày 06/7/2021 bị Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ xử phạt 02 năm tù về tội "Mua bán trái phép chất ma túy", chấp hành xong hình phạt tù ngày 08/7/2022. Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 12/7/2025 đến nay. Có mặt.

- Người bào chữa cho bị cáo: Luật sư Đoàn Thị Diễm T1 – Công ty L thuộc Đoàn Luật sư thành phố C. Có mặt.

Trong vụ án còn có người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan nhưng không có kháng cáo, không liên quan đến kháng cáo nên Tòa án không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Theo nguồn tin tố giác về tội phạm vào ngày 29/3/2023, Cơ quan chức năng đã phát hiện và xử lý đối với Lê Hoàng Thanh N, Đặng Đình Đăng Q về hành vi "Mua bán trái phép chất ma túy" theo quy định điểm b khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự theo Bản án số: 211/2023/HS-ST ngày 19/12/2023 của Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ (Nay là Tòa án nhân dân khu vực 1 - Cần Thơ). Đồng thời, Cơ quan Cảnh sát điều tra, Công an thành phố C đã ban hành Quyết định tách vụ án hình sự số: 04 ngày 09/8/2023 về hành vi "Mua bán trái phép chất ma túy" của Nguyễn Minh K để xem xét, xử lý theo quy định pháp luật. Đến ngày 12/7/2025, Cơ quan Cảnh sát điều tra, Công an thành phố C bắt được Nguyễn Minh K.

Quá trình điều tra vụ án xác định, Nguyễn Minh K chung sống như vợ chồng với Lê Hoàng Thanh N tại địa chỉ số I, đường H, phường T, quận N, thành phố Cần Thơ (Nay là phường N, thành phố Cần Thơ). Nguyễn Minh K có hành vi Mua bán trái phép chất ma túy từ tháng 02/2023 và thuê Đặng Đình Đăng Q giao ma túy khi có người liên hệ mua ma túy.

Vào khoảng 18 giờ ngày 29/3/2023, Đặng Đình Đăng Q đến địa chỉ số I, đường H, phường T, quận N, thành phố Cần Thơ gặp Lê Hoàng Thanh N lấy ma túy đi giao theo yêu cầu của Nguyễn Minh K nhưng khi đến ngã ba đường N và đường T, phường C, quận N, thành phố Cần Thơ thì bị lực lượng chức năng phát hiện thu giữ. Tại Kết luận giám định số: 100/KL-KTHS ngày 05/4/2023 của Phòng K1, Công an thành phố C kết luận như sau:

Gói 1:

+ Mẫu ký hiệu M1A gửi giám định là ma túy loại MDMA, khối lượng 1,4130 gam;

+ Mẫu ký hiệu M1B gửi giám định là ma túy loại Ketamin, khối lượng 1,7785 gam.

Gói 2:

+ Mẫu ký hiệu M2A gửi giám định là ma túy loại MDMA, khối lượng 1,4659 gam;

+ Mẫu ký hiệu M2B gửi giám định là ma túy loại Ketamin, khối lượng 1,7061 gam.

Tổng khối lượng ma túy loại MDMA là 2,8789 gam và ma túy loại Ketamin là 3,4846 gam.

Từ lời khai của Đặng Đình Đăng Q, lực lượng chức năng tiếp tục khám xét và thu giữ ma túy ở nơi sinh sống chung của Nguyễn Minh K và Lê Hoàng Thanh N tại địa chỉ số I, đường H, phường T, quận N, thành phố Cần Thơ. Kết luận giám

định số: 101/KL-KTHS ngày 05/4/2023 của Phòng K1, Công an thành phố C kết luận như sau:

Gói 1:

+ Mẫu M1A gửi giám định là ma túy loại MDMA, khối lượng 17,2125 gam;

+ Mẫu M1B gửi giám định là ma túy loại Ketamin, khối lượng 46,9399 gam;

+ Mẫu M1C gửi giám định là ma túy loại MDMA, khối lượng 3,9031 gam.

Gói 2:

+ Mẫu M2A gửi giám định là ma túy loại MDMA, khối lượng 7,1781 gam;

+ Mẫu M2B gửi giám định là ma túy loại Ketamin, khối lượng 11,5732 gam.

Gói 3: Mẫu M3 gửi giám định là ma túy loại Ketamin, khối lượng 0,1955 gam.

Gói 4: Mẫu M4 gửi giám định là ma túy loại Ketamin, khối lượng 0,1884 gam.

Gói 5:

+ Mẫu M5A gửi giám định là ma túy loại MDMA, khối lượng 0,9774 gam;

+ Mẫu M5B gửi giám định là ma túy loại MDMA, khối lượng 0,4805 gam;

+ Mẫu M5C gửi giám định là ma túy loại Ketamin, khối lượng 0,9292 gam.

Gói 6: Mẫu M6 gửi giám định là ma túy loại MDMA, khối lượng 0,9652 gam.

Tổng khối lượng ma túy loại MDMA là 30,7168 gam và ma túy loại Ketamin là 59,8262 gam.

Quá trình điều tra xác định, Nguyễn Minh K hoạt động mua bán trái phép chất ma túy được khoảng 02 tháng trước ngày 29/03/2023. Khương mua ma túy từ một thanh niên (Không rõ nhân thân) ở Thành phố Hồ Chí Minh về thành phố Cần Thơ để bán lại. K đã mua ma túy của người thanh niên này được 3 lần, lần cuối cùng cách ngày 29/03/2023 khoảng 15 ngày, lần này K mua ma túy với số tiền 50.000.000 đồng. Cách thức giao nhận ma túy là K điện thoại báo số lượng ma túy cần mua, sau đó người thanh niên sẽ mang ma túy từ Thành phố Hồ Chí Minh đến thành phố Cần Thơ giao cho K ở khu vực gần nơi Khương sinh sống. Số điện thoại của người thanh niên thì K không nhớ và cũng không có lưu lại. Ma túy sau khi mua về, K bán lại cho nhiều người (Không rõ nhân thân) và K có đưa ma túy cho Q đi giao. Vào ngày 29/02/2023, khi đang trên đường đi giao ma túy thì Q bị phát hiện bắt giữ.

Tại Bản án số 47/2026/HS-ST ngày 03/3/2026 của Tòa án nhân dân khu vực 1 – Cần Thơ đã quyết định:

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự.

Buộc bị cáo Nguyễn Minh K nộp vào ngân sách Nhà nước số tiền thu lợi bất chính là 287.470.000 đồng (Hai trăm tám mươi bảy triệu bốn trăm bảy mươi nghìn đồng).

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định hình phạt đối với bị cáo, xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định.

Sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo Nguyễn Minh K kháng cáo yêu cầu xem xét lại số tiền thu lợi bất chính 287.470.000 đồng với lý do trong quá trình điều tra không thể hiện số tiền thu lợi bất chính và bị cáo cũng không có nhận số tiền này.

Tại phiên tòa,

Bị cáo vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo: Bị cáo thừa nhận bị cáo Lê Hoàng Thanh N có chuyển cho bị cáo số tiền 147.500.000 đồng là tiền mua bán ma túy. Bị cáo chỉ xin nộp lại số tiền 147.500.000 đồng, bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử không buộc bị cáo phải nộp toàn bộ số tiền 287.470.000 đồng.

Luật sư bào chữa cho bị cáo có ý kiến:

Bị cáo N chỉ chuyển cho bị cáo Nguyễn Minh K số tiền trên 200.000.000 đồng, nhưng chỉ có 147.500.000 đồng là tiền mua bán ma túy. Toàn bộ số tiền bị cáo N chuyển cho bị cáo là 226.000.000 đồng. Bị cáo mua bán ma túy ba lần. Vấn đề bị cáo N khai còn chưa rõ, vẫn còn nhập nhằng số tiền mua bán ma túy và số tiền chung của bị cáo và bị cáo N. Đối chiếu trừ đi các khoản chưa phù hợp thì số tiền bị cáo được xác định mua bán ma túy chỉ là 147.500.000 đồng. Đề nghị Hội đồng xét xử chỉ buộc bị cáo phải nộp lại 147.500.000 đồng như yêu cầu của bị cáo tại phiên tòa phúc thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ phát biểu:

Về thủ tục: Sau khi cấp sơ thẩm tuyên án ngày 03/3/2026, đến ngày 17/3/2026 bị cáo Nguyễn Minh K kháng cáo là trong hạn luật định nên đề nghị xem xét ở cấp phúc thẩm.

Về nội dung: Cấp sơ thẩm xét xử bị cáo về tội "Mua bán trái phép chất ma túy" theo khoản 3 Điều 251 Bộ luật Hình sự, đã xem xét các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo như bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải theo điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo mức án 17 năm tù là tương xứng. Bị cáo không xin xem xét giảm hình phạt, chỉ kháng cáo xin xem xét lại vấn đề buộc bị cáo nộp lại số tiền 287.000.000 đồng là tiền thu lợi bất chính. Vấn đề này cấp sơ thẩm đã chứng minh được trong tài khoản chuyển khoản cho bị cáo, bị cáo N có sao kê, bị cáo và bị cáo N đều xác định là tiền mua bán ma túy. Vì vậy cần phải buộc bị cáo nộp lại toàn bộ số tiền 287.470.000 đồng vì đây là tiền sử dụng trong giao dịch bất hợp pháp.

Bị cáo kháng cáo nhưng không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ nào mới nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 1 Điều 355 và Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự, không chấp nhận kháng cáo và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo có đơn kháng cáo đối với Bản án sơ thẩm trong thời hạn nên được Hội đồng xét xử xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội, phù hợp với các lời khai, các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đủ cơ sở kết luận:

Từ tháng 02/2023, bị cáo Nguyễn Minh K đã có hành vi mua ma túy từ một thanh niên (Không rõ nhân thân) ở Thành phố Hồ Chí Minh về bán lại cho nhiều người nhằm mục đích thu lợi bất chính. Đến ngày 29/3/2023 thì bị phát hiện và thu giữ ma túy với tổng khối lượng là 96,9065 gam (Ma túy loại MDMA là 33,5957 gam, ma túy loại Ketamin là 63,3108 gam).

Hành vi của bị cáo đã phạm tội *"Mua bán trái phép chất ma túy"* với tình tiết định khung theo quy định tại điểm h khoản 3 Điều 251 của Bộ luật Hình sự. Cấp sơ thẩm truy tố, xét xử bị cáo là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo không kháng cáo phần trách nhiệm hình sự vì nhận thấy mức án 17 năm tù mà Tòa án nhân dân khu vực 1 – Cần Thơ đã tuyên là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Bị cáo chỉ kháng cáo yêu cầu xem xét lại số tiền cấp sơ thẩm tuyên bị cáo thu lợi bất chính 287.470.000 đồng do trong quá trình điều tra không thể hiện số tiền là thu lợi bất chính và bị cáo không có nhận số tiền này.

Xét kháng cáo của bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy:

Bản thân bị cáo cũng thừa nhận có mua bán trái phép chất ma túy. Trong tổng số tiền 287.470.000 đồng bị cáo N chuyển cho bị cáo chỉ có 147.500.000 đồng là tiền mua bán ma túy. Số tiền còn lại là tiền sử dụng chung của bị cáo và bị cáo N vào mục đích khác. Bị cáo chỉ chấp nhận nộp lại 147.500.000 đồng. Hội đồng xét xử thấy rằng bị cáo cũng thống nhất nộp lại một phần trong tổng số 287.470.000 đồng là tiền thu lợi bất chính, số tiền này bị cáo sử dụng vào mục đích mua bán chất ma túy. Đây là tiền bị cáo sử dụng để mua bán ma túy là thực hiện một giao dịch bất hợp pháp. Trong lời khai của bị cáo và bị cáo N đều phù hợp với kết quả sao kê, chuyển khoản với số tiền là 287.470.000 đồng. Đây là số tiền bị cáo và bị cáo N đều thừa nhận ở giai đoạn xét xử sơ thẩm là tiền sử dụng vào mục đích mua bán ma túy. Cho nên bị cáo phải có nghĩa vụ nộp lại. Hội

đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng quan điểm của đại diện Viện kiểm sát buộc bị cáo phải nộp lại số tiền 287.470.000 đồng là có căn cứ. Kháng cáo của bị cáo và quan điểm của Luật sư là chưa có cơ sở để chấp nhận. Hội đồng xét xử thống nhất với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị cáo và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[4] Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[5] Về án phí phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên bị cáo phải chịu theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Minh K. Giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm số 47/2026/HS-ST ngày 03 tháng 3 năm 2026 của Tòa án nhân dân khu vực 1 - Cần Thơ.

1. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự.

Buộc bị cáo Nguyễn Minh K nộp vào ngân sách Nhà nước số tiền mua bán trái phép chất ma túy là 287.470.000 đồng (Hai trăm tám mươi bảy triệu bốn trăm bảy mươi nghìn đồng).

2. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo phải nộp 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Vụ GĐ, KT I;
- VKSND TP. Cần Thơ;
- Trại tạm giam số 1 – Công an TP. Cần Thơ;
- TAND, VKSND, Phòng THADS KV1 – Cần Thơ;
- CQCSĐT – Công an TP. Cần Thơ;
- CQTHAHS – Công an TP. Cần Thơ;
- PHSNV – Công an TP. Cần Thơ;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Phạm Văn Bình